

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HS-ST

Ngày 07 – 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng Nga.

Bà Lê Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Trọn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

- Đặng Thị Ngọc B, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 12, đường B, khu phố X, Phường Y, thị xã K, tỉnh L; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị B. Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại điều tra (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Bà Võ Thụy Hồng P, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: Số 62/13, Khóm 1, Phường Z, thành phố C, tỉnh CM; Tạm trú: Phòng số 01, nhà trọ số 14, đường Phan Văn Lại, Phường 6, thành phố T, tỉnh L (*Có mặt*);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 64, ấp M, xã Y, thị xã K, tỉnh L (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/3/2022, bị cáo Đặng Thị Ngọc B đang ở trọ cùng Trương Thị Bé tại phòng trọ số 8 nhà trọ số 14, đường Phan Văn Lại, Phường 6, thành phố T, tỉnh L. Lúc này bị cáo Bích nói với Bé sẽ vào phòng số 1 cùng nhà trọ với B để trộm cắp tài sản của chị Võ Thụy Hồng P, do bị cáo cần tiền để trả nợ nhưng chị Bé không đồng ý và can ngăn bị cáo. Đến khoảng 02 giờ 40 phút ngày 16/3/2022, bị cáo cùng chị Bé đi làm như mọi ngày, khi đi ngang phòng trọ của chị Phượng bị cáo nhìn thấy cửa phòng đã đóng nên biết chị Phượng đã đi làm. Bị cáo nói với chị Bé hôm nay đi làm một mình đi, bị cáo bị bệnh nên không đi làm được. Do biết nhà trọ có Camera giám sát nên bị cáo leo lên ghế và dùng tay đẩy Camera ra hướng khác. Sau đó bị cáo đến chỗ cất giấu chìa khóa phòng trọ của chị Phượng để lấy chìa khóa mở cửa phòng (Do trước đó có nhiều lần qua chơi nên bị cáo biết được chị Phượng giấu chìa khóa ở đâu). Sau khi vào phòng bị cáo leo lên gác tìm tài sản để lấy trộm thì phát hiện dưới nệm ngủ có một túi nylon màu đen, mở ra bên trong có một hộp đựng nhiều loại vàng trang sức gồm: 01 bộ vòng ximen đeo tay 14 chiếc, 01 lắc đeo tay, 01 dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng, tất cả đều là vàng 18k, bị cáo lấy tài sản cất giấu vào trong người, lấy hộp đựng trang sức rỗng đóng lại để vào chỗ cũ và đóng cửa phòng khóa lại như ban đầu. Khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, bị cáo mượn xe mô tô biển số 62N1-6753 của chị Bé chạy đến tiệm vàng Kim Quý do bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1970, tại xã Phú Mỹ, huyện Thủ Thừa, tỉnh L làm chủ và bán số vàng trên được 37.200.000đ. Sau đó bị cáo điều khiển xe chạy về thị xã Kiến Tường trả nợ cho một người tên Hòa không rõ nhân thân, lai lịch số tiền 25.000.000 đồng, trả nợ cho người tên Hùng không rõ nhân thân, lai lịch số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2022, bị cáo cho ông Đặng Ngọc Sang số tiền 3.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân. Đến ngày 30/3/2022, chị Phượng phát hiện tài sản nêu trên bị mất nên trình báo Công an Phường 6. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Tang vật bị thu giữ: 01 xe mô tô biển số 62N1-6753.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 07/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 bộ vòng ximen đeo tay 14 chiếc trọng lượng 8,2 chỉ vàng 18k có giá trị 26.513.000đ; 01 lắc đeo tay trọng lượng 3,5 chỉ vàng 18k có giá trị 11.316.000đ; 01 dây chuyền 2 chỉ vàng 18k có giá trị 6.466.000đ; 01 nhẫn trọng lượng 0,7 chỉ vàng 18k có giá trị 2.263.000đ. Tổng giá trị của tài sản bị trộm cắp là 46.558.000đ.

Cáo trạng số 53/CT-VKSTA-HS ngày 17/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân

thành phố T truy tố bị cáo Đặng Thị Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Thị Ngọc B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận định giá, đồng thời không có khiếu nại đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bị hại Võ Thụy Hồng P trình bày: Bị cáo Đặng Thị Ngọc B đã bồi thường cho bà số tiền 53.000.000đ, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả 01 xe mô tô biển số 62N1-6753 cho chị Trương Thị Bé.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thụy Hồng Phụng đề nghị bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm bằng số tiền 53.000.000 đồng. Hiện nay bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền trên theo yêu cầu của bị hại.

Buộc bị cáo Đặng Thị Ngọc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc

khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ 40 phút, ngày 16/3/2022, tại phòng trọ số 1 nhà trọ số 14, đường Phan Văn Lại, Phường 6, thành phố T, tỉnh L, bị cáo Đặng Thị Ngọc B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 bộ vòng ximen đeo tay 14 chiếc trọng lượng 8,2 chỉ vàng 18k; 01 lắc đeo tay trọng lượng 3,5 chỉ vàng 18k; 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18k; 01 nhẫn trọng lượng 0,7 chỉ vàng 18k thuộc sở hữu của chị Võ Thụy Hồng Phụng với tổng giá trị tài sản là 46.558.000đ. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở bất cẩn của người khác để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngoài ra, bị hại có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả 01 xe mô tô biển số 62N1-6753 cho chị Trương Thị Bé là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thụy Hồng Phụng đề nghị bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm bằng số tiền 53.000.000đ và bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền trên theo yêu cầu của bị hại. Ngoài ra, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với chị Trương Thị B xác định vào ngày 15/3/2022 có nghe bị cáo nói sẽ vào phòng chị P để trộm cắp tài sản nhưng chị Bé đã không đồng ý và ngăn cản bị cáo. Đến ngày 16/3/2022, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị Bé không biết và cũng không cùng thực hiện nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với 02 người tên Hòa và Hùng nhận tiền do bị cáo trả nợ, hiện chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Đối với ông Đặng Ngọc Sang được bị cáo cho số tiền 3.000.000đ nhưng không biết số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc B 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo Đặng Thị Ngọc B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi Nhận :

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CA Tp T;
- Chi cục THA Tp T;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan